

Cập nhật ngày: 20.09.2026 03:34:48

Xếp hạng sau ván 5

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3	HS4
1	12	Macan Kemayoran (K-JAK)	5	4	1	0	9	0	11,5	41,5
2	22	Soetta Action	5	4	0	1	8	0	11	50,5
3	10	King Kaban 1	5	4	0	1	8	0	11	31
4	24	Soetta Courage	5	4	0	1	8	0	9	48,5
5	14	PKN STAN B -mix 2	5	3	1	1	7	0	9,5	48,5
6	2	Enggano	5	3	0	2	6	0	10	31
7	23	Soetta Bravo	5	3	0	2	6	0	9,5	40,5
8	11	Kuda Putih Jatim 2	5	3	0	2	6	0	9,5	35,5
9	6	Jawa Sumatra Chess Mix 2	5	3	0	2	6	0	9,5	32,5
10	4	Jatim II Checkmate Knights	5	3	0	2	6	0	9	42,5
11	8	Kaban Soetta Mix 1	5	3	0	2	6	0	9	28
12	9	Kalimantan Custom Chess Mix 2	5	3	0	2	6	0	7	44,5
13	13	PKN STAN A -mix 2	5	3	0	2	6	0	7	29,5
14	15	PKN STAN C -mix 2	5	2	0	3	4	0	9	25
15	7	Kaban Jawara 2	5	2	0	3	4	0	8	25,5
16	3	Enim	5	2	0	3	4	0	7	39
17	16	PKN STAN D -mix 2	5	2	0	3	4	0	7	35,5
18	21	PKN STAN I -mix 2	5	2	0	3	4	0	7	21,5
19	1	Bali Nusra	5	2	0	3	4	0	5	46
20	5	Jatim II Magic Pawn	5	1	0	4	2	0	5	41,5
21	18	PKN STAN F -mix 2	3	0	0	3	0	0	0,5	27,5
22	17	PKN STAN E -mix 2	4	0	0	4	0	0	0	32
23	19	PKN STAN G -mix 2	4	0	0	4	0	0	0	31,5
24	20	PKN STAN H -mix 2	3	0	0	3	0	0	0	25

Ghi chú

- Hệ số phụ 1: Matchpoints (2 for wins, 1 for Draws, 0 for Losses)
Hệ số phụ 2: The results of the teams in then same point group according to Matchpoints
Hệ số phụ 3: points (game-points)
Hệ số phụ 4: Buchholz Tie-Breaks (sum of team-points of the opponents)

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1500118.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results